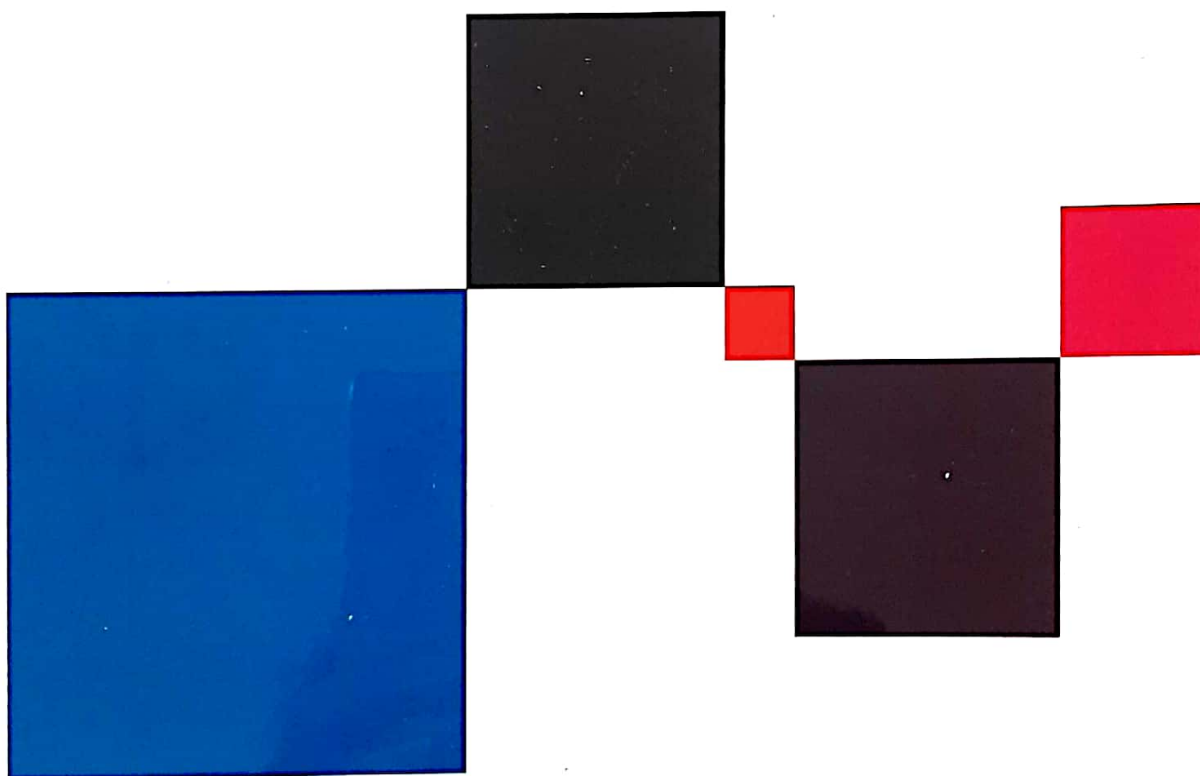


KSi VIETNAM AUDITING COMPANY LIMITED

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN MUỜNG TÈ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020



Ho Chi Minh City
Tel: + 84.28 3510 7158
Fax: + 84.28 3551 2008
Email: audit@ksi.com.vn



Quang Ngai Province
Tel: + 84.255 3727 477
Email: ksqng@ksi.com.vn

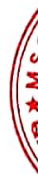
Da Nang City
Tel: + 84.236 3751 888
Fax: + 84.236 3751 881
Email: ksidna@ksi.com.vn

Ha Noi City
Tel: + 84.24 3775 9905
Fax: + 84.24 3775 9812
Email: ksihanoi@ksi.com.vn

Email: audit@ksi.com.vn - Website: www.ski.com.vn - www.morisonksi.com

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN MƯỜNG TÈ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02
Báo cáo kiểm toán độc lập	03- 04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05-20
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09-20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Thủy điện huyện Mường Tè (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty TNHH Thủy điện huyện Mường Tè được thành lập theo Quyết định số 1358/QĐ- UBND ngày 15/09/2009 của UBND Tỉnh Lai Châu. Trên cơ sở thỏa thuận giữa UBND tỉnh Lai Châu và Bộ Công Thương để quản lý và vận hành các công trình thủy điện nhỏ thuộc Dự án RARE.

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH hai thành viên trở nên số 6200044502 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp lần đầu ngày 14/01/2008, và thay đổi lần 4 ngày 19/05/2020.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Khu phố 2 - Thị trấn Mường Tè - Huyện Mường Tè - Tỉnh Lai Châu.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Văn Bồi

Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán KSI Việt Nam - CN Hà Nội đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Vũ Văn Bồi

Giám đốc

Lai Châu, ngày 05 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Ban Giám đốc**
Công ty TNHH Thủy điện huyện Mường Tè

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Thủy điện huyện Mường Tè (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 05 tháng 03 năm 2021, từ trang 05 đến trang 20, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

Do hạn chế của phạm vi kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ đối chiếu Phải-thu khách hàng, tại ngày 31/12/2020 với tổng giá trị là 266 triệu đồng. Vì vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản mục này và ảnh hưởng của nó tới Báo cáo tài chính.

Ý kiến của Kiểm toán viên ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Thủy điện huyện Mường Tè tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán KSI Việt Nam - CN Hà Nội



Đỗ Khắc Tiến

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1150-2018-046-1

Lai Châu, ngày 05 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Huy Hoàng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4379-2018-046-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		872.500.589	667.670.021
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	197.591.770	5.672.703
1. Tiền	111		197.591.770	5.672.703
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		674.908.819	661.997.318
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	525.287.319	525.287.319
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		126.000.000	-
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.3	23.621.500	136.709.999
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.929.907.949	37.991.217.460
II. Tài sản cố định	220		31.685.306.938	37.711.570.815
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	31.685.306.938	37.711.570.815
- Nguyên giá	222		102.813.548.367	102.813.548.367
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.128.241.429)	(65.101.977.552)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		244.601.011	279.646.645
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.4	244.601.011	279.646.645
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		32.802.408.538	38.658.887.481

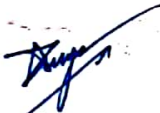
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.907.918.459	2.898.390.419
I. Nợ ngắn hạn	310		2.907.918.459	2.898.390.419
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.6	1.889.195.929	1.910.052.734
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.7	384.573.547	398.043.635
3. Phải trả người lao động	314		120.494.438	67.955.206
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	-	186.654.545	65.338.844
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		120.000.000	-
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.8	207.000.000	457.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.894.490.079	35.760.497.062
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.9	29.894.490.079	35.760.497.062
1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(11.698.551.605)	(5.832.544.622)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ trước	421a		(5.832.544.622)	(7.211.727.902)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ này	421b		(5.866.006.983)	1.379.183.280
2. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		41.593.041.684	41.593.041.684
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		32.802.408.538	38.658.887.481

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)


Bạc Thị Yên
 Người lập


Bạc Thị Yên
 Kế toán trưởng


Vũ Văn Bôi
 Giám đốc
 Lai Châu, ngày 05 tháng 03 năm 2021



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.812.451.855	1.216.170.690
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.812.451.855	1.216.170.690
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	6.026.274.872	6.026.263.872
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(4.213.823.017)	(4.810.093.182)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	206.300	530.200
7. Chi phí tài chính	22	5.4	-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	1.638.225.648	1.317.176.379
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.851.842.365)	(6.126.739.361)
11. Thu nhập khác	31	5.6	115.338.844	-
12. Chi phí khác	32	5.7	16.514.457	165.571
13. Lợi nhuận khác	40		98.824.387	(165.571)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.753.017.978)	(6.126.904.932)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(5.753.017.978)	(6.126.904.932)

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 20 là bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính này)



Bạc Thị Yên
Người lập

Bạc Thị Yên
Kế toán trưởng

Vũ Văn Bồi
Giám đốc

Lai Châu, ngày 05 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp trực tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.272.046.818	1.540.160.268
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(314.221.982)	(454.250.000)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(674.716.492)	(670.926.012)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		155.588.499	117.075.500
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(915.660.276)	(672.831.707)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		523.036.567	(140.771.951)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và	21		(18.117.500)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27			530.200
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(18.117.500)	530.200
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		300.000.000	700.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(500.000.000)	(500.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(113.000.000)	(100.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(313.000.000)	100.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		191.919.067	(40.241.751)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		5.672.703	45.914.454
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	4.1	197.591.770	5.672.703

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 20 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)


 Bạc Thị Yên
 Người lập


 Bạc Thị Yên
 Kế toán trưởng


 Vũ Văn Bồi
 Giám đốc
 Lai Châu, ngày 05 tháng 03 năm 2021



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Thủy điện huyện Mường Tè được thành lập theo Quyết định số 1358/QĐ- UBND ngày 15/09/2009 của UBND Tỉnh Lai Châu. Trên cơ sở thỏa thuận giữa UBND tỉnh Lai Châu và Bộ Công Thương để quản lý và vận hành các công trình thủy điện nhỏ thuộc Dự án RARE. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH hai thành viên trở nên số 6200044502 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp lần đầu ngày 14/01/2008, và thay đổi lần 4 ngày 19/05/2020.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh điện năng

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

Trong năm 2020, các hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Quản lý, vận hành kinh doanh và duy tu bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ công trình thủy điện;
- Xây dựng công trình: Nhà máy thủy điện nhỏ, lắp đặt hệ thống đường dây điện đến 35 KV;
- Giám sát thi công nhà máy thủy điện nhỏ, lắp đặt hệ thống đường dây điện đến 35 KV;
- Khai thác, tận thu đá, cát, sỏi; sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

Thực hiện theo Công văn 911/TTg-ĐMDN ngày 10 tháng 07 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục DNNN hoàn thành Cổ phần hóa theo từng năm giai đoạn năm 2017 - 2020. Trong năm 2017 Công ty TNHH Thủy điện huyện Mường Tè đã thực hiện kiểm kê, thuê Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp để Cổ phần hóa theo quy định. Báo cáo tài chính năm 2017, 2018, 2019 là một trong các cơ sở để tư vấn thực hiện các bước xác định giá trị doanh nghiệp theo hướng dẫn về cổ phần hóa DNNN.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 - Trình bày báo cáo tài chính, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan.

Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**3.1 Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu*****Tài sản tài chính***

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chí phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.3 Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Đối với TSCĐ đơn vị quản lý nhưng không dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh thì không phải trích khấu hao tính vào chí phí sản xuất, kinh doanh mà chỉ tính hao mòn TSCĐ và hạch toán giảm nguồn hình thành TSCĐ đó.

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 30 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 10 năm |

3.4 Chí phí trả trước

Các chí phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chí phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chí phí trả trước dài hạn vào chí phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chí phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chí phí trả trước được phân bổ dần vào chí phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.5 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

3.6 Vay và nợ phải trả thuế tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuế tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Các khoản vay và nợ phải trả thuế tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuế tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.7 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

3.8 Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

3.9 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

3.10 Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.11 Các khoản thuế

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	365.030	3.087.420
Tiền gửi ngân hàng	197.226.740	2.585.283
	<u>197.591.770</u>	<u>5.672.703</u>

4.2 Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	525.287.319	525.287.319
- Công ty Điện lực Miền Bắc	266.282.074	266.282.074
- Trung tâm Viễn thông huyện Mường Tè	3.905.663	3.905.663
- Các khoản phải thu khách hàng khác	255.099.582	255.099.582
	<u>525.287.319</u>	<u>525.287.319</u>

4.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	23.621.500	-	136.709.999	-
Tạm ứng	23.621.500	-	23.621.500	-
Phải thu ngắn hạn khác	-	-	113.088.499	-
	<u>23.621.500</u>	<u>-</u>	<u>136.709.999</u>	<u>-</u>

4.4 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
b) Dài hạn	244.601.011	279.646.645
Chi phí trả trước dài hạn khác	244.601.011	279.646.645
	<u>244.601.011</u>	<u>279.646.645</u>

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN MƯỜNG TÈ

Khu phố 2 - Thị trấn Mường Tè - Huyện Mường Tè - Tỉnh Lai Châu

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

4.5 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Kê đập nhà máy	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	86.250.810.712	16.562.737.655	-	-	102.813.548.367
Số dư cuối năm	86.250.810.712	16.562.737.655	-	-	102.813.548.367
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	55.198.042.742	9.903.934.810	-	-	65.101.977.552
- Khấu hao trong kỳ	5.246.594.441	779.669.436	-	-	6.026.263.877
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	60.444.637.183	10.683.604.246	-	-	71.128.241.429
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	31.052.767.970	6.658.802.845	-	-	37.711.570.815
Tại ngày cuối năm	25.806.173.529	5.879.133.409	-	-	31.685.306.938

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN MƯỜNG TÈ

Khu phố 2 - Thị trấn Mường Tè - Huyện Mường Tè - Tỉnh Lai Châu

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Công ty TNHH Thủy điện Mường Tè được thành lập theo Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 19/09/2009 của UBND tỉnh Lai Châu trên cơ sở thỏa thuận giữa UBND tỉnh Lai Châu và Bộ Công Thương, để quản lý vận hành các công trình thủy điện nhỏ thuộc Dự án RARE bao gồm:

STT	Tên tài sản	Địa điểm XD	Công suất thiết kế	Năm sản xuất	Giá trị nghiệm thu Quyết toán	Đặc điểm hoạt động
1	Thủy điện Nậm Si Lường	Thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè	0,5MW	2003	49.865.106.530	Nhà máy thủy điện Nậm Si Lường được XD từ năm 1999 và đưa vào sử dụng năm 2003. Trong quá trình khai thác có xảy ra một số sự cố và đã được đơn vị chủ quản đầu tư sửa chữa. Hiện trạng nhà máy hoạt động kém hiệu quả do công suất thấp, máy móc thiết bị lạc hậu
2	Thủy điện Pa Ủ	Xã Pa Ủ - huyện Mường Tè	26KW	2012	16.423.529.639	Nhà máy thủy điện Pa Ủ được xây dựng và đưa vào sử dụng năm 2012. Hiện trạng của Nhà máy không hoạt động do khu vực này đã có điện lưới quốc gia.
3	Thủy điện Mù Cà	Bản Mù Cà, huyện Mường Tè	23KW	2012	15.257.341.406	Nhà máy thủy điện Mù Cà được xây dựng và đưa vào sử dụng năm 2012 sau khoảng 1 tháng vận hành thì dừng do không đủ nguồn nước. Hiện trạng của nhà máy: Máy móc thiết bị hỏng hóc, không thể khai thác được do thiếu nguồn nước.
4	Thủy điện Thu Lũm	Xã Thu Lũm, huyện Mường Tè	50KW	2012	12.920.731.018	Nhà máy được xây dựng từ năm 2010 và hoàn thành năm 2012, phát điện ổn định từ khi vận hành đến tháng 4/2013 bị hỏng (Lũ cuốn trôi sân xả nhà máy) Hiện trạng không hoạt động, máy móc hỏng hóc nhiều.
5	Thủy điện Pác Ma	Thị trấn Pác Ma, huyện Mường Tè	55KW	2012	7.097.811.378	Nhà máy được xây dựng từ năm 1998 đến 2001 được đưa vào sử dụng. Đến năm 2010 được đầu tư sửa chữa lớn từ nguồn RARE và đến năm 2012 được đưa vào sử dụng lại. Hiện trạng nhà máy không hoạt động do khu vực nhà máy đã có điện lưới quốc gia.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng báo cáo tài chính

6	Thủy điện Nà Hư	Bản Nà Hư, xã Bum Nua, huyện Mường Tè	26KW	2012	878.060.773	Nhà máy được xây dựng từ năm 1998 đến 2001 được đưa vào sử dụng, Đến năm 2010 được đầu tư sửa chữa lớn từ nguồn RARE và đến năm 2012 được đưa vào sử dụng lại một thời gian. Hiện trạng nhà máy không hoạt động do không đủ công suất phục vụ 200 hộ dân
7	Thủy điện Bản Giăng	Bản Giăng, huyện Mường Tè	26KW	2012	370.967.623	Nhà máy được xây dựng từ năm 1998 đến 2001 được đưa vào sử dụng, Đến năm 2010 được đầu tư sửa chữa lớn từ nguồn RARE và đến năm 2012 được đưa vào sử dụng lại một thời gian. Hiện trạng nhà máy không hoạt động do không có nguồn nước, máy móc hỏng, không còn đường dây và khu vực đã có điện lưới.
	Tổng				102.813.548.367	

Năm 2017 UBND tỉnh Lai Châu và UBND huyện Mường Tè có Quyết định phê duyệt quyết toán các công trình gồm các quyết định sau: Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 10/07/2017 của UBND huyện Mường Tè về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình: Sửa chữa, nâng cấp thủy điện Nậm Si Lường, Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình: Cải tạo sửa chữa 4 trạm thủy điện, Nậm Si Lường, Nà Hư, Bản Giăng, Pắc Ma huyện Mường Tè, Quyết định số 1498/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình: Thủy điện Nậm Si Lường, Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình: Thủy điện Pa Ủ, Thu Lùm, Mù Cà.

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN MƯỜNG TÈ
Khu phố 2 - Thị trấn Mường Tè - Huyện Mường Tè - Tỉnh Lai Châu

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

4.6 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	1.889.195.929	1.889.195.929	1.910.052.734	1.876.295.929
- Phải trả các đối tượng theo QĐ phê duyệt QT số 622/QĐ-UBND	1.767.433.000	1.767.433.000	1.767.433.000	1.767.433.000
- Phải trả các đối tượng khác	121.762.929	121.762.929	142.619.734	108.862.929
	<u>1.889.195.929</u>	<u>1.889.195.929</u>	<u>1.910.052.734</u>	<u>1.876.295.929</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN MUỜNG TÈ
Khu phố 2 - Thị trấn Muờng Tè - Huyện Muờng Tè - Tỉnh Lai Châu

4.7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	282.504.860	206.570.554	186.382.376	-	302.646.911
Thuế Tài nguyên	-	101.063.175	182.699.646	217.124.953	-	66.637.868
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	2.869.046	2.869.046	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	14.475.600	70.554.024	69.740.856	-	15.288.768
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	18.514.196	18.514.196	-	-
	-	398.043.635	481.207.466	494.631.427	-	384.573.547

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.8 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay ngắn hạn	207.000.000	457.000.000
Vay BQL DA Huyện Mường Tè	207.000.000	457.000.000
	207.000.000	457.000.000

4.9 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Lợi nhuận chưa phân phối	Nguồn vốn ĐT XDCB VND	Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ VND	Cộng VND
Số dư cuối năm trước	(5.832.544.622)	41.593.041.684		35.760.497.062
Số dư đầu năm nay	(5.832.544.622)	41.593.041.684	-	41.593.041.684
Tăng vốn trong năm nay		-	-	-
Lãi/lỗ trong năm nay	(5.753.006.983)			(5.753.006.983)
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm khác	(113.000.000)			(113.000.000)
Số dư cuối năm nay	(11.698.551.605)	41.593.041.684	-	29.894.490.079

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán điện	1.812.451.855	1.216.170.690
	<u><u>1.812.451.855</u></u>	<u><u>1.216.170.690</u></u>

5.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn điện thương phẩm	6.026.274.872	6.026.263.872
	<u><u>6.026.274.872</u></u>	<u><u>6.026.263.872</u></u>

5.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	206.300	530.200
	<u><u>206.300</u></u>	<u><u>530.200</u></u>

5.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	-	-
	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>

5.5 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		<u>VND</u>
-	-	49.255.410
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	880.608.122
Chi phí nhân công	794.370.923	180.961.472
Chi phí khấu hao tài sản cố định	118.978.584	27.869.046
Thuế, phí, lệ phí	-	101.480.125
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.882.502	77.002.204
Chi phí khác bằng tiền	659.993.639	
	<u><u>1.638.225.648</u></u>	<u><u>1.317.176.379</u></u>

5.6 THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập khác	115.338.844	-
	<u><u>115.338.844</u></u>	<u><u>-</u></u>

5.7 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản bị phạt	-	-
Chi phí khác	16.514.457	165.571
	<u>16.514.457</u>	<u>165.571</u>

6. . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngày 05/10/2017 UBND tỉnh Lai Châu đã ra quyết định số 1198/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2020. Do đó năm 2020 doanh nghiệp sẽ thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp và chuyển thành Công ty cổ phần.

Đồng thời trong năm 2019 Doanh nghiệp sẽ thực hiện chủ trương theo quyết định số 159/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2019 và Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 27 tháng 06 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH Thủy Điện Mường Tè.

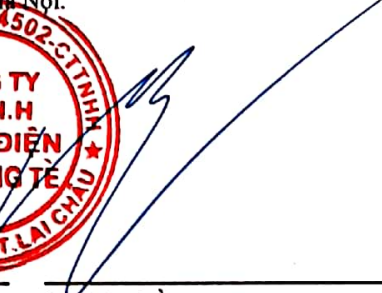
7. . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Số liệu này đã Kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán KSi Việt Nam - CN Hà Nội.


Bạc Thị Yên
Người lập


Bạc Thị Yên
Kế toán trưởng




Vũ Văn Bồi
Giám đốc
Lai Châu, ngày 05 tháng 03 năm 2021